

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2024

V/v tranh chấp “Yêu cầu cấp
dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 20-12-2023. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hằng N và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị N và anh Nguyễn Văn T đã ly hôn theo Quyết

định số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh tiền G. Theo đó, hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19-6-2008 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 26-6-2013 được giao cho chị N là người nuôi dưỡng. Do chị N lập gia đình mới, nên hai cháu K, Q được giao cho chị ruột của chị N là chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Chi phí nuôi hai cháu K, Q mỗi tháng thấp nhất là 4.000.000 đồng, nếu anh T có thiện chí cấp dưỡng thì chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, nay nhận thấy anh T muốn trốn tránh trách nhiệm nên chị yêu cầu theo mức thực tế, hiện chị L bỏ tiền ra nuôi cháu K mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng, còn cháu Q khoảng 2.000.000 đồng nên nay chị yêu cầu cấp anh T cấp dưỡng nuôi cháu K là 1.500.000 đồng/tháng, cháu Q là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị N đã ly hôn, khi ly hôn chị N giành nuôi hai con Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19-6-2008 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 26-6-2013 đã không yêu cầu anh phải cấp dưỡng. Nay anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con 1.000.000 đồng/tháng (Mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng) vì hoàn cảnh kinh tế của anh hiện tại khó khăn, đang thất nghiệp, hiện anh đã có vợ và vợ chuẩn bị sinh con nên không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị là chị ruột của chị Nguyễn Thị Hằng N, cách đây khoảng 05 năm, vợ chồng N, T thiếu nợ nên chị N thì đi làm công ty, anh T bỏ về nhà anh T sinh sống và sau đó vợ chồng ly hôn, từ khi ly hôn cả anh T, chị N đều rất ít khi chăm sóc hai con. Từ hơn 05 năm nay, chị là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hoàng Q. Cháu K hiện học lớp 10, cháu Q học lớp 5 nên chi phí sinh hoạt, học tập của hai cháu nhiều, chị không có khả năng lo chu toàn cho hai cháu nên em chị là chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng để đảm bảo hơn cho cuộc sống của hai cháu. Việc cấp dưỡng là do chị N yêu cầu, chị không có tranh chấp với chị N, anh T. Nay chị đồng ý với yêu cầu của chị N. Chi phí nuôi dưỡng hai cháu cụ thể như sau:

- Cháu K: Mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng.
- + Tiền đi học mỗi ngày: 30.000 đồng (T1 ăn sáng, gửi xe đi học, uống nước buổi chiều). Mỗi tháng là 900.000 đồng.
- + Tiền học thêm: 200.000 đồng/môn/1 tháng x 03 môn là 600.000 đồng.
- + Tiền đồ xăng đi học: 70.000 đồng/tuần, một tháng 280.000 đồng.
- + Tiền quỹ lớp, tham quan: 30.000 đồng/tuần, một tháng 120.000 đồng.

+ Học phí: 99.000 đồng/tháng, một năm là 891.000 đồng, tiền bảo hiểm 1.280.000 đồng/năm. Tổng cộng một năm là 2.171.000 đồng, trung bình mỗi tháng là 180.000 đồng.

+ Tiền ăn uống hàng ngày, trung bình 30.000 đồng, một tháng là 900.000 đồng.

+ Tiền áo quần, giày dép, mua tập sách mỗi năm khoảng 3.500.000 đồng (Mỗi tháng 290.000 đồng)

Các chi phí trên chưa kể tiền thuốc men, bệnh tật.

- Cháu **Q**: Mỗi tháng trung bình khoảng 2.000.000 đồng.

+ Tiền đi học mỗi ngày: 20.000 đồng (**T1** ăn sáng, gửi xe đi học, uống nước buổi chiều). Một tháng là 600.000 đồng.

+ Tiền học thêm: 200.000 đồng/môn/1 tháng x 02 môn là 400.000 đồng.

+ Tiền học võ: Một tháng 100.000 đồng.

+ Học phí: Không đóng tiền học phí nhưng phải đóng tiền bảo hiểm, dụng cụ, quỹ lớp 1.250.000 đồng/năm. Một tháng là 100.000 đồng.

+ Tiền ăn uống hàng ngày, trung bình 20.000 đồng, một tháng là 600.000 đồng.

+ Tiền áo quần, giày dép, mua tập sách mỗi năm khoảng 2.500.000 đồng (Mỗi tháng 200.000 đồng)

Các chi phí là chi phí thấp nhất, chưa kể tiền thuốc men, bệnh tật.

Chị **L** không có tranh chấp về tiền nuôi dưỡng cháu **K**, cháu **Q** với chị **N**. Chị **L** có ý kiến việc chị **N** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng một nửa chi phí nuôi con là phù hợp, chị **N** sẽ tự giao tiền cấp dưỡng cho chị.

Tại phiên tòa, chị **L** là người đại diện theo ủy quyền của chị **N** yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi cháu **K** là 1.500.000 đồng/tháng, nuôi cháu **Q** là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Chị **L** không có tranh chấp về chi phí nuôi cháu **Q**, cháu **K** với chị **N**, anh **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Nguyễn Thị Hằng N** và anh **Nguyễn Văn T** tranh chấp về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh **T** cư trú tại **ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Văn T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T đã ly hôn theo Quyết định số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, về con chung đã giao cho phía chị N là người nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19-6-2008 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 26-6-2013, khi đó chị N chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Nay chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là hợp lý, phù hợp với chi phí thực tế mà chị L nêu để nuôi dưỡng hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng 2.500.000 đồng, trong đó cấp dưỡng nuôi cháu Q là 1.000.000 đồng và nuôi cháu K là 1.500.000 đồng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nhưng với mức mỗi tháng 500.000 đồng/cháu là không phù hợp theo các chi phí thực tế phát sinh mà lẽ ra anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con, anh T2 cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hiện tại đang thất nghiệp, tình trạng kinh tế gặp khó khăn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Chị Nguyễn Thị Trúc L hiện là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu Q nhưng không có tranh chấp với anh T, chị N về chi phí nuôi các cháu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng N. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng 2.500.000

(Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó: tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 19-6-2008 là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng mỗi tháng, tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 26-6-2013 là 1.000.000 (Một triệu) đồng mỗi tháng. Cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Anh **Nguyễn Văn T** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị Hằng N**, **Nguyễn Thị Trúc L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh **Nguyễn Văn T** là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực